

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05 tháng 02 năm 2026

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 –ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tám

2. Ông Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Lê Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thế Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐ-TA ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị H** – Sinh năm 1991; Địa chỉ: Xã G, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: E Đ, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc K – sinh năm: 1997 - Văn Phòng L – chi nhánh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Võ Trọng H1** – Sinh năm 1988; Địa chỉ: K T, tổ C H, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Võ Trọng H1 kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà về chung sống tại nhà ông H địa chỉ số K T, tổ C H, phường A, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình sống chung, bà H và ông H1 thường xuyên xảy ra sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng suy nghĩ, hay cãi vã, áp lực về kinh tế, ông H1 thường xuyên uống rượu về gây gổ với vợ con khiến không khí gia đình căng thẳng ngột ngạt. Bà H đã bỏ về nhà bố mẹ bà H sinh sống từ năm 2025 đến nay. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông H1, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông H1 .

- Về quan hệ con chung: Bà H xác nhận, bà và ông H1 có 02 con chung là Võ Bảo N – sinh ngày 30/7/2018 và Võ Bảo C – sinh ngày 16/01/2023. Hiện nay các con đang ở với ông H1. Tại đơn khởi kiện bà H có nguyện được nuôi hai con và không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên toà bà H giao 02 con chung cho ông H1 chăm sóc nuôi dưỡng. Bà H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác nhận, bà và ông H1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác nhận, bà và ông H1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị H là bà Trương Thị Ngọc K trình bày ý kiến:***

Bà Đỗ Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông Võ Trọng H1; Bà H giao 02 con chung tên Võ Bảo N – sinh ngày 30/7/2018 và Võ Bảo C – sinh ngày 16/01/2023 cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và bà H không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Quá trình tố tụng, tại phiên toà bị đơn ông Võ Trọng H1 trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên toà ông H1 không muốn ly hôn với bà H vì bản thân còn yêu thương vợ và mong muốn các con có cả cha lẫn mẹ. Tuy nhiên, nếu bà Hòa đồng Ý cho ông được nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Bảo N – sinh ngày 30/7/2018 và Võ Bảo C – sinh ngày 16/01/2023 thì ông H1 đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông H1 xác nhận, ông và bà H có 02 con chung là Võ Bảo N – sinh ngày 30/7/2018 và Võ Bảo C – sinh ngày 16/01/2023, hiện tại các con đang ở với

ông H1. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông H1 có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông H1 xác nhận, ông và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H1 xác nhận, ông và bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực – TP Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:

+ Đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của bà Đỗ Thị H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Võ Trọng H1. Đề nghị HĐXX xử cho bà H được ly hôn với ông H1 và giao con chung Võ Bảo N – sinh ngày 30/7/2018 và Võ Bảo C – sinh ngày 16/01/2023 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông H1 không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị H và ông Võ Trọng H1 xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn ông Đỗ Trọng H2 có cư trú tại phường A, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị H giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3, Đà Nẵng giải quyết cho ông được ly hôn với ông Đỗ Trọng H2.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Võ Trọng H1 xây dựng gia đình vào năm 2017 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau. Việc kết hôn giữa bà H và ông H1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hoàn toàn hợp pháp.

Xét thấy trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không được. Hiện nay, bà H và ông H1 đã sống ly thân, không còn qua tâm, chăm sóc cho nhau. Tại phiên tòa, bà H vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H1 nên mong muốn được ly hôn với ông H1.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay, ông H1 không đồng ý ly hôn và đề nghị được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành khi có đầy đủ cha và mẹ nhưng bà H không đồng ý và cương quyết muốn ly hôn với ông H1 nên ông H1 cũng thuận tình đồng ý ly hôn với bà H.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Trong quá trình chung sống, bà H và ông H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, hiện nay vợ chồng không sống cùng nhau, không có sự quan tâm cần thiết. Việc ông H1 vẫn mong muốn cho ông một cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng bà H vẫn cương quyết không chấp nhận, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài quan hệ vợ chồng như vậy cũng không đem lại kết quả mà chỉ gây ra sự đau khổ cho cả hai và ảnh hưởng đến sự phát triển của con sau này. Xét thấy việc mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự là có thật. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của ông H1 và bà H đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1 phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị H và ông Võ Trọng H1 xác định ông và bà có 02 con chung là Võ Bảo N – sinh ngày 30.7.2018 và Võ Bảo C – sinh ngày 16.01.2023. Ly hôn, bà H giao 02 con chung cho ông H1 nuôi dưỡng, ông H1 có nguyện vọng được nuôi 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên thì thấy: Cha mẹ đều có mọi quyền và nghĩa vụ đối với chung theo quy định pháp luật. Vì vậy, việc xem xét giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét ở nhiều yếu tố đảm bảo quyền lợi, điều kiện tốt nhất để con chung được phát triển toàn diện. Các con của ông H1, bà H hiện đang sinh sống ổn định với ông H1 và ông H1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà H cũng đồng ý giao con chung cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn tâm lý do thay đổi môi trường sống và vì lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng của bà H và ông H1 là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của và phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên xét xử giao 02 con chung cho ông H1 nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị H và ông Võ Trọng H1 xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của bà Đỗ Thị H đối với ông Võ Trọng H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H – Sinh năm 1991 được ly hôn ông Võ Trọng H1 – Sinh năm 1988.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 147 ngày 25/12/2017 của UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng) không còn giá trị kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật).

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên con chung tên Võ Bảo N – sinh ngày 30/7/2018 và Võ Bảo C – sinh ngày 16/01/2023 cho ông Võ Trọng H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Đỗ Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004409 ngày 23/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3, Tp Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- UBND phường An Khê, tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hồng Thủy

